

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại

SHL SPINDLE V5

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại SHL SPINDLE V5
Đặc tính chung Hydrocacbon dầu mỏ và phụ gia
Phân loại nguy hiểm Không áp dụng
Ứng dụng Dầu trục quay

Tên và địa chỉ nhà sản xuất

SHL ASEAN CO., LTD.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.

TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288

Tên nhà cung cấp SHL ASEAN CO., LTD.

Phòng ban Viện kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM Không áp dụng

YẾU TỐ NHÃN DÁN

Hình GHS : Không áp dụng

Từ chỉ dấu hiệu Không áp dụng

Báo cáo nguy hiểm Không được phân loại là nguy cơ gây nguy hiểm vật lý theo tiêu chí GHS.

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa Không có dữ liệu

Biện pháp đối phó

Không được phân loại là nguy cơ gây nguy hiểm vật lý theo tiêu chí GHS.

Bảo quản

P410 + 403: Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời. Bảo quản ở nơi thông thoáng

Xử lý

P501: Xử lý các chất/ thùng chứa theo các quy tắc và các quy định của (địa phương / khu vực / quốc gia / quốc tế.) ban hành.

NGUY HIỂM KHÁC

Mối nguy đối với sức khỏe

Tiếp xúc nhiều lần có thể bị khô da hoặc nứt da.

Hơi lỏng có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Hít phải có thể dẫn đến các vấn đề với phổi.

Chỉ số NFPA

Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy: 1, Phản ứng : 0

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã qua xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-54-7	100

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Rửa mắt bằng nước trong ít nhất 20 phút.

Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.

Dính vào da

Rửa sạch vị trí tiếp xúc bằng xà phòng và nước.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nhận điều trị y tế.

Hít phải

Nếu tiếp xúc quá nhiều với khói, hãy di chuyển đến nơi có không khí sạch, chăm sóc y tế nếu có bất kỳ triệu chứng nào như ho. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức nếu xảy ra kích ứng, đau hoặc các tác dụng phụ khác.

Nếu ăn hoặc hít phải, không được hô hấp nhân tạo bằng miệng và phải sử dụng thiết bị y tế hô hấp thích hợp

Nuốt phải

Ngay lập tức nhận điều trị y tế.

Nếu ăn hoặc hít phải, không được hô hấp nhân tạo bằng miệng và phải sử dụng biện pháp thích hợp

Lời khuyên từ bác sĩ

Nếu bị phơi nhiễm, hãy gọi cho trung tâm y tế, thực hiện các biện pháp khẩn cấp đặc biệt.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện dập lửa phù hợp : Hóa chất khô, carbon dioxide, phun sương nước, bột chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không thích hợp: Xối thẳng dòng nước.

CHẤT ĐỘC HẠI TẠO RA TRONG QUÁ TRÌNH CHÁY

Khói lửa, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon.

BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY VÀ BÌNH CHỮA CHÁY

Sơ tán khu vực.

Ngăn chặn dòng cháy lan từ việc kiểm soát lửa hoặc sự pha loãng vào suối, cống hoặc nguồn nước uống.

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, và sử dụng nước để làm nguội các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Sử dụng nước để làm nguội các bồn, thùng chứa và các bộ phận tiếp xúc với lửa.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở khép kín (SCBA).

Xịt nước làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt và lửa.

TÍNH DỄ CHÁY

Điểm chớp cháy [phương pháp]: 190 °C (ASTM D93)

Trên/dưới giới hạn cháy (thể tích % xấp xỉ trong không khí): Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BẢO VỆ CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO VỆ VÀ CÁC THỦ TỤC KHẨN CẤP

Thủ tục thông báo

Trong trường hợp bị tràn hoặc do tai nạn, hãy thông báo cho các cơ quan chức năng có liên quan theo tất cả các quy định ban hành.

Các biện pháp bảo vệ

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ.

Tránh xa nguồn nhiệt/ tia lửa/ ngọn lửa/ bề mặt nóng. Không hút thuốc.

Tránh hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.

Thay quần áo nếu bị nhiễm bẩn.
Đeo mặt nạ phòng khí độc hay thông khí đối với phòng kín.
Tắt các nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.
Trong trường hợp thông khí không tốt mang mặt nạ hô hấp.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nguồn nước.
Không phơi nhiễm chất trực tiếp ngoài môi trường tự nhiên.
Xử lý nước thải, chống gây ô nhiễm nước.
Nếu khu vực đã bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng các chất hấp thụ.

PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU ĐỂ NGĂN CHẶN VÀ LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.
Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để xử lý chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.
Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.
Thùng chứa rỗng có thể còn lại lượng dư sản phẩm kể cả các chất dễ bắt cháy.
Vì vậy, không làm việc gần thùng chứa rỗng.
Tránh hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.
Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở những nơi thoáng khí.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khí vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đóng kín thùng chứa. Xử lý thùng chứa cẩn thận.
Lưu trữ các chất theo các quy tắc và các quy định hiện hành.
Niêm phong các thùng chứa và không tác động vật lý lên thùng chứa.

Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

GIỚI HẠN TIẾP XÚC: TWA: 5mg / m³ / STEL: 10mg / m³ (sương mù) (ACGIH TLV, OSHA PEL)

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Phải cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ phù hợp với thực hành kỹ thuật tốt để hơi giữ dầu có nồng độ dưới PEL.
Kiểm tra xem độ phơi sáng có phù hợp với tiêu chí phơi sáng hay không.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.
Nếu sản phẩm được xử lý theo cách tạo ra hơi, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt để tránh phơi nhiễm quá mức.
Sử dụng mặt nạ phòng độc che kín mặt hoặc mặt nạ phòng độc làm sạch không khí đối với hơi hữu cơ.
Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.
Các biện pháp bảo vệ mắt thông thường trong công nghiệp nên được áp dụng.

Bảo vệ tay

Mang găng tay phù hợp để tránh tiếp xúc trực tiếp với da.

Bảo vệ cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Không màu trong suốt
Mùi	Có mùi hydrocarbon nhẹ
pH	Không áp dụng
Điểm đông đặc	< -12 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	190 °C (ASTM D93)
Sự oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Khả năng bắt lửa trên điểm chớp cháy
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	<0.5 Pa ở 20°C
Độ hòa tan trong nước	Có thể bỏ qua
Mật độ hơi	> 1 (Không khí=1)
Tỷ trọng	0.8265 (15/4 °C)
Hệ số phân bố	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ hòa tan	Không có dữ liệu
Độ nhớt	5.03 cSt (40 °C)
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

ỔN ĐỊNH HÓA HỌC

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, cho sử dụng ở điều kiện thường.

KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG NGUY HIỂM

Không xảy ra.

ĐIỀU KIỆN VÀ CHẤT NÊN TRÁNH

Các chất oxi hóa mạnh.

SẢN PHẨM PHÂN HỦY NGUY HIỂM

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MỐI NGUY HẠI

Dính vào mắt

Có thể gây kích ứng mắt nhẹ.

Dính vào da

Có thể gây kích ứng mắt nhẹ.

Nuốt phải

Nuốt phải có thể gây kích ứng, nôn mửa, tiêu chảy, đau bụng.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng	LD50 >5000 mg/kg Chuột
Độc tính cấp tính qua da	LD50 >5000 mg/kg Chuột
Độc tính cấp tính khi hít phải	LC50 5.0 mg/l 4 h Chuột(hơi dầu)
Kích ứng da	Dự kiến sẽ kích ứng nhẹ.

Kích ứng mắt	Dự kiến sẽ kích ứng nhẹ.
Nhạy cảm hô hấp	Không áp dụng.
Nhạy cảm da	Không được cho là chất gây mẫn cảm cho da.
Độc tính cấp tính	Không có dữ liệu.
Độc tính liều lặp lại	Dự kiến sẽ không gây nguy hiểm
Biến đổi gen	Không có dữ liệu
Ảnh hưởng đến thế hệ sau	Không có dữ liệu
Tính gây ung thư	Chiết suất DMSO bằng IP 346 của dầu nhỏ hơn 3%. Không phân loại là chất gây ung thư.
LỜI KHUYÊN BỔ SUNG	Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Độc tính thủy sinh mãn tính

Người ta hy vọng rằng chất này không gây độc trong môi trường thủy sinh.

Cá	Cấp tính - LL / EL50 > 100 mg / l, mãn tính- NOEC / NOEL > 100 mg / l
Giáp xác	Cấp tính - LL / EL / IL50 > 100mg / l
Tảo	Độc tính thấp - LL / EL / IL50 > 100mg / l

LAN TRÊN ĐẤT

Lan trên nước

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC

Đễ dàng phân hủy sinh học

ĐỘ BỀN/ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY

Có hiệu lực

KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC: Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Phân loại theo chất thải quy định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Thực hiện theo các tiêu chí chi tiết của Luật Kiểm soát Chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của chính phủ.

KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC MỞ RỘNG ĐỘ CHỨA ĐÓ ĐỂ GIA NHIỆT, TÍNH ĐIỆN HOẶC CÁC NGUỒN ĐÁNH LỬA KHÁC.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại và quy định theo luật vận chuyển và lưu trữ trên tàu đối với chất liệu nguy hiểm

Không quy định. Không nguy hiểm cho vận chuyển.

Chú ý trong vận chuyển

Không có dữ liệu

Chất ô nhiễm biển: Chất không nguy hiểm.

Phân loại và quy định theo luật vận chuyển quốc tế

Không quy định cho vận chuyển theo mã UN, IMDG, ADR/RID, IATA/ICAO.

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Luật kiểm soát chất độc	Không áp dụng
Luật Kiểm soát an toàn khí áp cao	Không áp dụng
Luật kiểm soát chất thải	Phân loại theo chất thải đã quy định.

Xử lý chất và thùng chứa theo quy tắc và quy định hiện hành.

Luật về quản lý an toàn hàng nguy hiểm

Loại dầu mỡ thứ ba thuộc loại chất độc hại thứ tư

Quy định theo luật nước ngoài

USA : CERCLA 103(40CFR302.4) : Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30) : Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) : Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119): Không áp dụng

TSCA : Đã liệt kê.

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày

30/11/2016

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày

Rev. 1

15/06/2021

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này. Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và sự phòng ngừa nên được nắm rõ.